

Châu Thành, ngày 06 tháng 11 năm 2023.

Số: 215/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Kim P**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp PB, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà **Thạch Thị H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp PB, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng A - chi nhánh huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: số A đường B khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Huỳnh Thị Sa Oanh N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp PA, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Kim P và bà Thạch Thị H (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 107/2006 ngày 28/11/2006 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Kim P và bà Thạch Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Kim P và bà Thạch Thị H tự nguyện thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Kim Hoàng Mỹ H1 sinh ngày 05/10/2008 cho ông P quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Kim Hoàng Nhã K sinh ngày 15/11/2020 cho bà H quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom

con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Ông Kim P và bà Thạch Thị H khai tài sản chung gồm:

+ 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp PA, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh cất trên diện tích 504m² (tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 59 diện tích 152m² và thửa đất số 279, tờ bản đồ số 59, diện tích 352m² cùng tọa lạc tại ấp PA, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh) do Kim P và Thạch Thị H đứng tên.

+ Đất thửa đất số 1248, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.540m²; tại thửa đất số 1245, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.450m²; tại thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.130m² cùng tọa lạc tại ấp PA, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh do Kim P và Thạch Thị H đứng tên.

+ 01 (Một) xe ô tô 04 chỗ ngồi, hiệu KIA MORNING, biển số 84A-035.76 do ông Kim P đứng tên chủ xe.

Ông Kim P và bà Thạch Thị H đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung xong và thỏa thuận như sau:

Bà H có nghĩa vụ giao cho ông P toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản chung gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất diện tích 352m² thửa đất số 279, tờ bản đồ số 59, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp PA, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận số CD 654317 số vào sổ cấp GCN: CS05598 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Thạch Thị H và ông Kim P vào ngày 26/8/2016

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất diện tích 152m² thửa đất số 38, tờ bản đồ số 59, loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại ấp PA, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận số CD 654316 số vào sổ cấp GCN: CS05597 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Thạch Thị H và ông Kim P vào ngày 26/8/2016

+ 01 căn nhà cấp 4 trên đất 02 thửa 38 và thửa 279 nêu trên.

+ 01 xe ô tô 04 chỗ ngồi, hiệu KIA MORNING, biển số 84A-035.76 do ông Kim P đứng tên sở hữu.

Ông P có nghĩa vụ giao cho bà H toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản chung gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.450m² thửa đất số 1245, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp PA, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận số AI 867569 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 07837 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Thạch Thị H và ông Kim P vào ngày 11/6/2007

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.130m² thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp PA, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận số AI 867570 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 07836 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Thạch Thị H và ông Kim P vào ngày 11/6/2007

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.540m² thửa đất số 1248, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp PA, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận số AI 867571 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 07835 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Thạch Thị H và ông Kim P vào ngày 11/6/2007

Tài sản chung nêu trên ông P và bà H đã thống nhất và tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chỉ yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia này.

- Về nợ chung: Ông Kim P và bà Thạch Thị H tự nguyện thống nhất thỏa thuận bà Hoàng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền gốc 300.000.000đ, ông P không phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng cùng bà H.

Ngân hàng A không có khởi kiện yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ riêng: Bà Thạch Thị H và bà Huỳnh Thị Sa Oanh N tự nguyện thống nhất thỏa thuận bà H thừa nhận nợ và đồng ý trả cho bà N số tiền là 380.000.000đ, không lãi suất. Sau khi hòa giải thành thì bà H và bà N đã tự thỏa thuận xong về số nợ 380.000.000đ và bà N có đơn rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà N.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân: Ông Kim P tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000đ nhưng được căn trừ vào số tiền đã nộp 15.300.000đ theo biên lai thu số: 0018953 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, hoàn lại cho anh P số tiền còn thừa là 15.150.000đ. Bà Thạch Thị H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí dân sự: Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Sa Oanh N số tiền 9.500.000đ do bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0018954 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Bà N liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để nhận lại số tiền nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)**

Trần Bảo Trân